

## THÀNH PHẦN LOÀI THUỘC LỚP CÁ SỤN CHONDRICHTHYES Ở VÙNG BIỂN VIỆT NAM

Lê Thị Thu Thảo, Võ Văn Quang, Nguyễn Phi Uy Vũ,  
Trần Công Thịnh, Trần Thị Hồng Hoa  
*Viện Hải dương học, Viện Hàn lâm Khoa học & Công nghệ Việt Nam*

### **Tóm tắt**

Tình trạng sử dụng tên khoa học và việc tham khảo các nguồn tài liệu khác nhau chưa được rà soát cẩn thận tên đồng vật (synonym) của các loài cá đã gây khó khăn trong việc định tên khoa học và phân loại các loài cá. Bài báo cung cấp một danh lục đầy đủ và chính xác về tên khoa học của các loài thuộc lớp cá sụn Chondrichthyes ở vùng biển Việt Nam trên cơ sở tổng quan các kết quả nghiên cứu từ trước đến nay. Kết quả tổng hợp các danh mục loài thuộc 47 tài liệu công bố từ năm 1964 - 2015 ở các vùng sinh thái khác nhau thuộc vùng biển Việt Nam kết hợp với 24 loài phân tích bổ sung từ 76 mẫu vật thu thập trong giai đoạn 2010 - 2015 đã xác định có 464 tên loài thuộc 234 loài, 95 giống, 47 họ, 18 bộ của lớp cá sụn. Sau khi tu chỉnh và cập nhật chỉ còn lại 174 loài thuộc 84 giống, 35 họ và 12 bộ của lớp cá sụn thực có ở vùng biển Việt Nam. Kết quả này đóng vai trò quan trọng trong nghiên cứu đánh giá đa dạng sinh học và bảo tồn cá biển.

## SPECIES COMPOSITION OF SHARKS AND RAYS (CLASS: CHONDRICHTHYES) IN THE SEA WATERS OF VIETNAM

Le Thi Thu Thao, Vo Van Quang, Nguyen Phi Uy Vu,  
Tran Cong Thinh, Tran Thi Hong Hoa  
*Institute of Oceanography, Vietnam Academy of Science & Technology*

### **Abstract**

The use of wrong names and synonyms of fishes, which had not been checked in several publications are considered as main cause in making difficult for definition of scientific names and classification of fishes. Therefore, this paper aims to provide correct scientific names of the sharks and rays occurring in the sea waters of Vietnam. The synthesized data from 47 documents published during 1964 - 2015 and 24 species identified from 76 specimens collected in 2010 - 2015 listed 464 species names belonging to 234 species, 95 genera, 47 families and 18 orders of the class Chondrichthyes in different ecological sea waters in Vietnam. Correction, update and confirmation of the existing list of species of the sharks and rays show that there were 174 species belonging to 84 genera, 35 families and 12 orders actually occurred in the sea waters of Vietnam. The results are playing important roles in biodiversity assessment and marine fish protection.

## I. MỞ ĐẦU

Trong công việc điều tra khảo sát nguồn lợi tự nhiên, việc làm sáng tỏ sự phong phú về thành phần loài, tính đa dạng sinh học là cần thiết, đó là những thông tin ban đầu cho việc phân vùng quản lý và cũng là tiền đề cho các nghiên cứu sinh học (Eschmeyer & cs., 2010). Vì thế, việc cập nhật, định danh đúng tên các loài cá là rất cần thiết trong nghiên cứu đánh giá đa dạng sinh học và nguồn lợi cá biển.

Trên thế giới đã có nhiều cơ sở dữ liệu lưu trữ tên khoa học cập nhật của các loài cá, về phân loại học, thông tin về vị trí của mẫu vật như World Register of Marine Species (Appeeltans & cs., 2016); Fishbase online (Froese & Pauly, 2016); Calacademy online (Eschmeyer & Fong, 2016);...

Cá sụn phân bố khắp các đại dương, từ vùng ven bờ đến vùng khơi và ở hầu hết các tầng nước, đến độ sâu 2.000 m. Theo Nelson (2006), trên thế giới nhóm cá sụn có 1.078 loài, 201 giống và 58 họ thuộc 16 bộ. Nhiều loài cá sụn có giá trị kinh tế đáng kể như vi cá mập là loại thực phẩm truyền thống và là thành phần chính của món súp vi cá mập nổi tiếng đất liền tại các quốc gia ở Châu Á. Theo ước tính của Tổ chức Bảo tồn Thiên nhiên Thế giới (WWF), trên 70 triệu con cá mập/cá nhám được đánh bắt hàng năm nhằm đáp ứng nhu cầu thực phẩm (ăn tươi, khô, ướp muối, xông khói, súp vây) và y dược (dầu gan cá, chondroitin sụn). Trong đó, thói quen ăn súp vi cá là nguyên nhân chính làm cho nhiều loài thuộc lớp cá sụn Chondrichthyes có nguy cơ bị tuyệt chủng.

Trong những năm qua, đã có rất nhiều công trình nghiên cứu về thành phần loài cá ở các vùng và hệ sinh thái khác nhau thuộc vùng biển Việt Nam, trong đó có các loài thuộc lớp cá sụn như Trần Ngọc Lợi và Nguyễn Châu (1964): 13 loài; Orsi (1974): 76; Trần Đình và Nguyễn Nhật Thi (1985): 61; Nguyễn Hữu Phụng và Trần Hoài Lan (1994): 100; Vũ Trung Tạng (1994): 26; Chu Tiến Vĩnh & cs. (1998): 13; Nguyễn Nhật Thi (1998): 14; Nguyễn Khắc Hường

(2001): 130; Thái Thanh Dương & cs. (2001): 16; Vũ Trung Tạng (2009): 25; Nguyễn Văn Long và Võ Sĩ Tuấn (2012): 13; Võ Văn Quang & cs. (2013): 12.

Khi tra cứu và tham khảo các cơ sở dữ liệu trên nhận thấy rằng nhiều tài liệu đã công bố về cá biển Việt Nam như danh mục cá biển Việt Nam, phần cá biển trong Động vật chí và các công trình công bố về thành phần loài cá ở các vùng biển khác nhau của Việt Nam có nhiều tên nhầm lẫn, nhiều tên loài là synonym của nhau, đây chính là một trong những nguyên nhân làm cho số lượng loài cá khác nhau và thiếu thống nhất. Vì thế, việc cập nhật tên loài cần được tiến hành thường xuyên để có được một số liệu về thành phần loài cá biển Việt Nam ngày một chính xác và đầy đủ hơn.

## II. TÀI LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP

### 1. Tài liệu

Kế thừa nguồn tài liệu của 47 công trình nghiên cứu từ năm 1964 đến 2015 về thành phần loài ở các vùng sinh thái khác nhau thuộc vùng biển Việt Nam để lập nên danh lục thành phần loài của lớp cá sụn. Các công trình chủ yếu gồm: Trần Ngọc Lợi và Nguyễn Châu (1964); Orsi (1974); Trần Đình và Nguyễn Nhật Thi (1985); Nguyễn Hữu Phụng và Nguyễn Nhật Thi (1994); Nguyễn Hữu Phụng và Trần Hoài Lan (1994); Vũ Trung Tạng (1994, 2009); Bộ Thủy sản (1996); Nguyễn Đình Mão (1996); Võ Văn Phú và Lê Văn Miên (1997); Chu Tiến Vĩnh & cs. (1998); Nguyễn Hữu Phụng (1998, 2004); Nguyễn Nhật Thi (1998, 2002, 2003); Lê Thị Thu Thảo và Nguyễn Văn Lục (2001); Nguyễn Khắc Hường (2001); Nguyễn Kiên Sơn (2001); Thái Thanh Dương & cs. (2001); Nguyễn Văn Lục và Nguyễn Phi Uy Vũ (2003); Nguyễn Nhật Thi và Nguyễn Văn Quân (2004, 2005); Nguyen Van Quan (2004); Bộ Khoa học và Công nghệ (2007); Do Cong Thung (2007); Nguyễn Khắc Hường và Trương Sỹ Kỳ (2007); Nguyễn Phi Uy Vũ & cs. (2007); Nguyễn Thị Phi Loan (2008); Nguyễn Văn Long (2009a,

2009b); Tôn Thất Pháp và cs. (2009); Đinh Thị Phương Anh và Phan Thị Hoa (2010); Nguyễn Xuân Huân và Nguyễn Liên Hương (2011); Võ Văn Phú & cs. (2011); Nguyễn Văn Hoàng và Nguyễn Hữu Dực (2012); Nguyễn Văn Long và Võ Sĩ Tuấn (2012); Võ Văn Quang & cs. (2012, 2013); Nguyễn Xuân Đồng (2013); Võ Văn Quang và Võ Sĩ Tuấn (2013); Nguyễn Xuân Đồng và Kiên Thái Bích Nga (2014); Trần Thị Hồng Hoa & cs. (2014); Tống Xuân Tâm và Nguyễn Thị Như Hân (2015). Hai báo cáo về “Điều tra và xây dựng bộ sưu tập cá thường gặp và quý hiếm vùng biển Nam Trung Bộ” do Lê Thị Thu Thảo thực hiện năm 2014 và “Quản lý các động vật trong các hệ sinh thái rạn san hô, cỏ biển và vùng dưới triều đáy mềm ở vịnh Nha Trang và lân cận” do Phan Thị Kim Hồng thực hiện năm 2015.

Bên cạnh đó, nghiên cứu này còn kết hợp sử dụng nguồn tài liệu về cá đã được Phòng Động vật có Xương sống biển (ĐVCXS) thực hiện điều tra, thu thập mẫu vật thuộc các đề tài từ năm 2010 - 2015 tại

các tỉnh Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Bình Thuận, Bà Rịa - Vũng Tàu, Cần Giờ và Bến Tre như (Bảng 1):

- Đề tài độc lập cấp Nhà nước năm 2010 - 2012: Nghiên cứu cơ sở khoa học của hiện tượng cá dữ tấn công người tắm biển tại vùng biển ven bờ Quy Nhơn và đề xuất các giải pháp phòng ngừa.

- Đề tài cơ sở năm 2013: Đặc điểm thành phần loài cá khai thác vùng vịnh Vân Phong tỉnh Khánh Hòa.

- Đề tài hợp đồng với tỉnh Bến Tre năm 2013 - 2014: Điều tra dự báo nguồn giống thủy sản có giá trị kinh tế ở khu vực ven biển và cửa sông tỉnh Bến Tre.

- Nhiệm vụ KHCN cấp Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, 2014: Điều tra và xây dựng bộ sưu tập cá thường gặp và quý hiếm vùng biển Nam Trung Bộ.

- Đề tài cấp tỉnh năm 2015 - 2016: Đánh giá hiện trạng và đề xuất các giải pháp sử dụng hợp lý nguồn lợi thủy sản vùng ngập mặn ở huyện Cần Giờ Thành phố Hồ Chí Minh.

**Bảng 1.** Số lượng loài và mẫu vật thu thập từ năm 2010 - 2015  
**Table 1.** Number of species and specimens was collected from 2010 - 2015

TT	Khu vực thu mẫu	Số lượng loài	Số lượng mẫu thu thập
1	Bình Định	8	45
2	Phú Yên	4	4
3	Khánh Hòa	5	8
4	Bình Thuận	3	4
5	Vũng Tàu	4	6
6	Cần Giờ	2	4
7	Bến Tre	4	5
	Tổng	24	76

## 2. Phương pháp định loại

Mẫu vật được định loại dựa vào đặc điểm hình thái ngoài theo tài liệu của Nguyễn Khắc Hường (2001).

Thành phần loài của lớp cá sụn được tổng hợp, phân tích, đối chiếu và cập nhật tên khoa học theo Eschmeyer (1998), Appeeltans và cs. (2016), Froese & Pauly (2016) để hoàn chỉnh danh lục các loài thuộc lớp cá sụn thực có ở biển Việt Nam.

Sắp xếp hệ thống phân loại bậc lớp, bộ và họ theo Nelson (2006).

## III. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

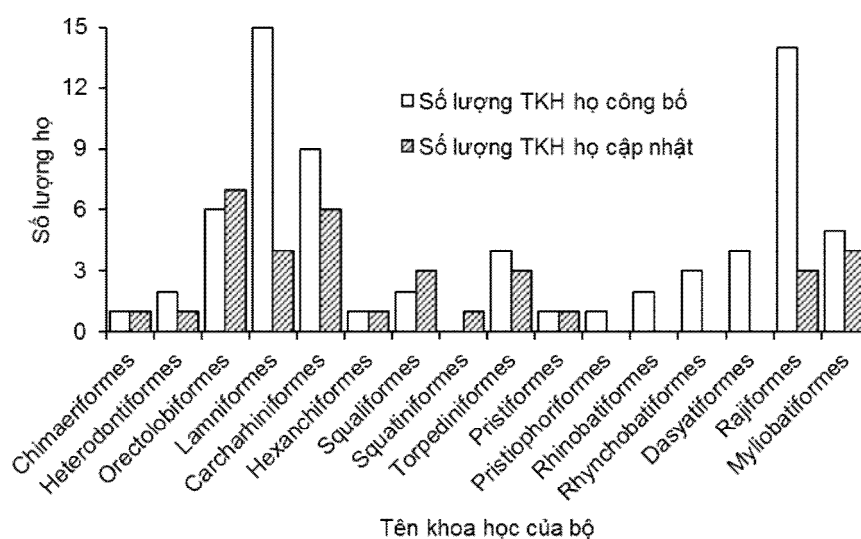
### 1. Hiện trạng sử dụng tên khoa học của lớp cá sụn từ các công trình công bố

Kết quả thống kê 47 công trình công bố từ năm 1964 - 2015 thuộc vùng biển Việt Nam và 24 loài từ 76 mẫu vật thu thập thuộc các

đề tài từ năm 2010 - 2015 đã xác định được 15 bộ, 40 họ thuộc lớp cá sụn.

Sau khi chỉnh lý và cập nhật tên khoa học của các bộ, họ cá đã công bố lớp cá sụn thực có ở vùng biển Việt Nam bao gồm 35 họ và 12 bộ (Phụ lục 1). Như vậy có thể thấy, so với số lượng bộ, họ đã công bố và cập nhật chỉ giảm 3 bộ và 5 họ, nhưng khi so sánh giữa số lượng họ công bố và cập nhật thì có sự chênh lệch rất rõ. Cụ thể bộ Lamniformes có số lượng họ công bố là 15

họ, sau khi chỉnh lý và cập nhật tên khoa học chỉ còn lại 4 họ, tức giảm 11 họ; bộ Rajiformes với 14 họ còn 3 họ (giảm 11 họ); bộ Carcharhiniformes: 9 họ còn 6 họ (giảm 3 họ); bộ Orectolobiformes có 6 họ nhưng tăng 7 họ;... Riêng các bộ Pristiophoriformes, Rhinobatiformes, Rhynchobatiformes và Dasyatiformes hiện nay không còn tồn tại, vì vậy toàn bộ các loài cá thuộc 4 bộ này được tách chuyển sang các bộ khác (Hình 1, Phụ lục 1).



**Hình 1.** Hiện trạng số lượng tên khoa học (TKH) công bố và cập nhật  
**Fig. 1.** Number of scientific names (TKH) was published and updated

Từ Phụ lục 1 có thể thấy lớp cá sụn có 15 bộ được công bố, tuy nhiên sau khi chỉnh lý và cập nhật tên khoa học có giá trị hiện hành chỉ còn 12 bộ, trong đó 4 bộ Pristiophoriformes, Rhinobatiformes, Rhynchobatiformes và Dasyatiformes không còn tồn tại mà được tách chuyển sang bộ Pristiformes, Rajiformes và Myliobatiformes. Tương tự ở bậc họ, họ Aetobatidae được chuyển sang họ Myliobatidae; họ Carchariidae sang họ Carcharhinidae và Odontaspidae; Carcharodontidae thành Lamnidae; Isuridae thành Lamnidae; Mobulidae thành Myliobatidae; Paramyxinidae sang Myxinidae; Platyrrhinidae sang Rhinobatidae; Pristiophoridae sang Pristidae; họ Hexanchidae thuộc bộ Heterodontiformes

chuyển sang bộ Hexanchiformes. Riêng họ Squatinidae sang bộ Squatiniformes.

## 2. Hiện trạng tên khoa học thành phần loài lớp cá sụn ở Việt Nam

Kết quả thống kê danh mục loài cá từ các kết quả nghiên cứu ở vùng biển Việt Nam (1964 - 2015) đã ghi nhận có 464 tên khoa học thuộc 234 loài, 93 giống, 40 họ và 15 bộ tồn tại (Phụ lục 2) cần được tu chỉnh và cập nhật. Trong đó, 219 tên khoa học vẫn còn có giá trị hiện hành, 142 tên khoa học được cập nhật lại tên, 81 tên khoa học được cập nhật lại tên tác giả và 22 tên khoa học chuyển sang họ khác (Phụ lục 2).

Như vậy, tổng hợp kết quả từ 47 tài liệu công bố và phân tích bổ sung từ bộ mẫu cá

thu thập giai đoạn 2010 - 2015 đã ghi nhận thành phần loài lớp cá sụn Chondrichthyes thực có ở vùng biển Việt Nam là 174 loài thuộc 84 giống, 35 họ và 12 bộ (Phụ lục 3).

Như vậy theo thời gian, việc sắp xếp và định danh tên khoa học của các loài cá đã được quy chuẩn theo một hệ thống phân loại. Vì vậy, việc cập nhật thường xuyên tên khoa học của các loài cá theo các bậc bộ, họ là một việc làm cần thiết nhằm tránh tên đồng danh (synonym) là một trong những nguyên nhân làm cho số lượng loài cá khác nhau và không thống nhất.

#### IV. KẾT LUẬN

Kết quả chỉnh lý và cập nhật đã ghi nhận thành phần loài lớp cá sụn thực có ở vùng biển Việt Nam gồm 174 loài, 84 giống, 35 họ và 12 bộ.

Tình trạng sử dụng tên khoa học và việc tham khảo các nguồn tài liệu khác nhau nhưng chưa chú ý đến tên đồng vật (synonym). Vì vậy, công tác rà soát và cập nhật tên khoa học có giá trị về danh lục loài cá biển Việt Nam cần phải được thực hiện liên tục để có được danh sách thành phần loài cá biển ngày một chính xác và đầy đủ phục vụ cho công tác nghiên cứu và tra cứu, làm cơ sở trong nghiên cứu đánh giá đa dạng sinh học và bảo tồn cá biển.

**Lời cảm ơn.** Bài báo sử dụng nguồn số liệu từ đề tài cấp cơ sở năm 2016 và một số đề tài Phòng Động vật Có xương sống biển đã tham gia thu thập mẫu vật từ 2010 - 2015. Tập thể tác giả xin chân thành cảm ơn Viện Hải dương học, các chủ nhiệm đề tài đã hỗ trợ và tạo điều kiện để chúng tôi sử dụng số liệu hoàn thành nghiên cứu này.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

Appelants W., P. Bouchet, G. A. Boxshall, K. Fauchald, D. P. Gordon, B. W. Hoeksema, G. C. B. Poore, R. W. M. van Soest, S. Stöhr, T. C. Walter, M. J. Costello (eds), 2016. World register of marine species. Available from

<http://www.marinespecies.org> at VLIZ. Accessed on 2016-07-15. doi: 10.14284/170.

Bộ Khoa học và Công nghệ. Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam, 2007. Sách Đỏ Việt Nam. Phần I: Động vật. Nhà Xuất bản Khoa học Tự nhiên và Công nghệ. 515 trang.

Bộ Thủy sản, 1996. Nguồn lợi thủy sản Việt Nam (Nguyễn Tấn Trinh chủ biên). Nhà Xuất bản Nông nghiệp, tr. 397-455.

Chu Tiến Vĩnh, Bùi Đình Chung, Arai Kazuo, Wataru Hiramalu, 1998. Thành phần loài và tỉ lệ sản lượng cá nổi ở vùng biển xa bờ của Việt Nam. Tuyển tập báo cáo khoa học, Hội nghị Khoa học Công nghệ biển toàn quốc lần thứ IV, tr. 1102 - 1106.

Đinh Thị Phương Anh, Phan Thị Hoa, 2010. Thành phần loài cá ở vùng biển Nam bán đảo Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng. Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Đại học Đà Nẵng, số 1 (36), tr. 56 - 64.

Do Cong Thung, 2007. Environment and resources in the Tam Giang - Cau Hai lagoon (Final report). Integrated management of lagoon activities IMOLA Hue Project GCP/VIE/029/ITA, p. 106 - 117.

Eschmeyer W. N. (Editor), 1998. Catalog of fishes. Special publication, California Academy of Sciences, San Francisco, 3 vols., 2905 p.

Eschmeyer W. N. & J. D. Fong, 2016. Species of fishes by family/subfamily. Online version, <http://research.calacademy.org>.

Eschmeyer W. N., R. Fricke, J. D. Fong & D. A. Polack, 2010. Marine fish diversity: History of knowledge and discovery (Pisces). Zootaxa, 2525: 19 - 50.

Froese R. & D. Pauly (Editors), 2016. Fishbase. World Wide Web electronic publication. [www.fishbase.org](http://www.fishbase.org), version (01/2016).

Lê Thị Thu Thảo, Nguyễn Văn Lục, 2001. Góp phần tìm hiểu thành phần loài cá vùng ven biển - cửa sông tỉnh Bến Tre.

- Tuyển tập Nghiên cứu biển. Nhà Xuất bản Khoa học và Kỹ thuật, XI: 201-210.
- Nelson J. S., 2006. Fishes of the world. Fourth editon, 601 p.
- Nguyễn Đình Mão, 1996. Vài nét về điều kiện tự nhiên và nguồn lợi cá ở đầm Thị Nại, Ô Loan và Nha Phu thuộc vùng biển Trung Trung Bộ. Tuyển tập Nghiên cứu biển. Nhà Xuất bản Khoa học và Kỹ thuật, VII: 131 - 146.
- Nguyễn Hữu Phụng, 1998. Nghiên cứu bổ sung thành phần loài và nguồn lợi cá rạn san hô ở vùng biển Trường Sa. Tuyển tập Nghiên cứu biển, Nhà Xuất bản Khoa học và Kỹ thuật, VIII: 166 - 177.
- Nguyễn Hữu Phụng, 2004. Thành phần cá rạn san hô biển Việt Nam. Tuyển tập báo cáo Khoa học Hội nghị Khoa học “Biển Đông 2002”, Viện Hải dương học, Nhà Xuất bản Nông nghiệp, tr. 274 - 307.
- Nguyễn Hữu Phụng, Nguyễn Nhật Thi, 1994. Danh mục cá biển Việt Nam, tập II. Nhà Xuất bản Khoa học và Kỹ thuật, 270 tr.
- Nguyễn Hữu Phụng, Trần Hoài Lan, 1994. Danh mục cá biển Việt Nam, tập I. Nhà Xuất bản Khoa học và Kỹ thuật, 116 tr.
- Nguyễn Khắc Hường, 2001. Động vật chí Việt Nam, tập 12. Nhà Xuất bản Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội, 324 tr.
- Nguyễn Khắc Hường, Trương Sỹ Kỳ, 2007. Động vật chí Việt Nam, tập 20. Nhà Xuất bản Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội, 327 tr.
- Nguyễn Kiêm Sơn, 2001. Tính đa dạng của khu hệ cá vịnh Hạ Long. Tuyển tập Báo cáo Khoa học “Biển Đông 2000”, tr. 307 - 316.
- Nguyễn Nhật Thi, 1998. Thành phần loài và phân bố cá rạn san hô ở ven bờ Hải Phòng, Quảng Ninh. Tuyển tập báo cáo khoa học, Hội nghị Khoa học Công nghệ biển toàn quốc lần thứ IV, tr. 1086-1101.
- Nguyễn Nhật Thi, 2002. Thành phần loài và phân bố của cá vùng biển ven bờ Bắc Trung Bộ. Tạp chí Khoa học và Công nghệ biển, 2(3): 41 - 63.
- Nguyễn Nhật Thi, 2003. Thành phần loài và cấu trúc khu hệ cá vịnh Hạ Long. Tạp chí Khoa học và Công nghệ biển, 3(1): 56 - 65.
- Nguyễn Nhật Thi, Nguyễn Văn Quân, 2004. Đa dạng sinh học và tiềm năng nguồn lợi cá rạn san hô vùng biển quần đảo Trường Sa. Tạp chí Khoa học và Công nghệ biển, 4(4): 47 - 64.
- Nguyễn Nhật Thi (chủ biên), Nguyễn Văn Quân, 2005. Đa dạng sinh học và giá trị nguồn lợi cá rạn san hô biển Việt Nam. Nhà Xuất bản Khoa học và Kỹ thuật. 119 tr.
- Nguyễn Phi Uy Vũ, Hồ Bá Đình, Lê Thị Thu Thảo, Trần Thị Hồng Hoa, Võ Văn Quang, 2007. Thành phần loài cá thường gặp của một số nghề khai thác cá đáy và gàn đáy ở vùng biển ven bờ tỉnh Khánh Hòa. Báo cáo khoa học, Hội nghị Khoa học Quốc gia “Biển Đông 2007”, Viện Hải dương học, Nhà Xuất bản Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, tr. 445 - 458.
- Nguyễn Thị Phi Loan, 2008. Thành phần loài cá ở đầm Ô Loan, tỉnh Phú Yên. Tạp chí Khoa học, Đại học Huế, số 49, tr. 65 - 74.
- Nguyễn Xuân Đồng, 2013. Đa dạng các loài cá ở các vùng nước nội địa Thành phố Hồ Chí Minh và những ghi nhận mới cho khu hệ cá Việt Nam. Tạp chí Sinh học, 35(1): 281 - 292.
- Nguyễn Xuân Đồng, Kiên Thái Bích Nga, 2014. Ghi nhận bước đầu về thành phần loài cá thuộc bộ cá vược ở hạ lưu sông Sài Gòn-Đồng Nai. Tạp chí Khoa học và Phát triển, 12(5): 665 - 674.
- Nguyễn Xuân Huân, Nguyễn Liên Hương, 2011. Thành phần loài cá vùng cửa sông Hà Cối tỉnh Quảng Ninh. Báo cáo Khoa học về Sinh thái và Tài nguyên Sinh vật, Hội nghị Khoa học Toàn quốc lần thứ IV, Nhà Xuất bản Nông nghiệp, Hà Nội, tr. 125 - 135.
- Nguyễn Văn Hoàng, Nguyễn Hữu Dực, 2012. Nghiên cứu cấu trúc thành phần

- loài khu hệ cá Tam Giang-Cầu Hai, tỉnh Thừa Thiên-Huế. Tạp chí Sinh học, 34(1): 20 - 30.
- Nguyễn Văn Long, 2009a. Cá rạn san hô ở vùng biển ven bờ Nam Trung Bộ. Tạp chí Khoa học và Công nghệ biển, 9(3): 38 - 66.
- Nguyễn Văn Long, 2009b. Nghiên cứu mối quan hệ giữa quần xã cá rạn với một số đặc trưng và hiện trạng rạn san hô ở vùng biển ven bờ Nam Trung Bộ. Luận án tiến sĩ sinh học, tr. 160 - 181.
- Nguyễn Văn Long, Võ Sĩ Tuấn, 2012. Tình hình khai thác nguồn lợi cá nhám/cá mập ở vùng biển từ Quảng Ngãi đến Bình Thuận. Tạp chí Khoa học và Công nghệ biển, 12(4): 29 - 41.
- Nguyễn Văn Lục, Nguyễn Phi Uy Vũ, 2003. Thành phần loài cá vùng ven biển-cửa sông tỉnh Trà Vinh. Tuyển tập Nghiên cứu biển, Nhà Xuất bản Khoa học và Kỹ thuật, VIII: 197 - 206.
- Nguyen Van Quan, 2004. Coral reef fishes in the marine area of Ba Mun island, Quang Ninh province. Marine Resources and Environment, Science and Technics Publishing House, XI: 65 - 78.
- Orsi James J., 1974. A check list of the marine and freshwater fishes of Vietnam. Publications of the Seto Marine Biological Laboratory, Kyoto University, XXI: 153 - 177.
- Thái Thanh Dương (chủ biên), Chu Tiến Vĩnh, Trần Mạnh Tuấn, Nguyễn Quang Đăng, 2001. Một số loài cá thường gặp ở biển Việt Nam. Bộ Thủy sản, Hà Nội, 195 tr.
- Tôn Thất Pháp (chủ biên), Lương Quang Đốc, Mai Văn Phô, Lê Thị Trễ, Phan Thị Thúy Hằng, Nguyễn Văn Hoàng, Võ Văn Dũng, Hoàng Công Tín, Trương Thị Hiếu Thảo, 2009. Đa dạng sinh học ở phá Tam Giang - Cầu Hai tỉnh Thừa Thiên Huế. Nhà Xuất bản Đại học Huế, tr. 157 - 163.
- Tổng Xuân Tám, Nguyễn Thị Như Hân, 2015. Nghiên cứu thành phần loài và đặc điểm phân bố cá ở hệ sinh thái rừng ngập mặn Cần Giờ, thành phố Hồ Chí Minh. Tạp chí Khoa học Đại học Sư phạm tp. Hồ Chí Minh, 67(2): 133 - 148.
- Trần Đình, Nguyễn Nhật Thi, 1985. Danh mục kiểm định các loài cá vùng biển Việt Nam. Phân Viện Hải dương học tại Hải Phòng (nay là Viện Tài nguyên và Môi trường biển).
- Trần Ngọc Lợi, Nguyễn Châu, 1964. Cá có giá trị thương mại tại Việt Nam. Hải học Viện Nha Trang, tr. 325 - 425.
- Trần Thị Hồng Hoa, Võ Văn Quang, Nguyễn Phi Uy Vũ, Lê Thị Thu Thảo, Trần Công Thịnh, 2014. Thành phần loài cá khai thác ở vịnh Vân Phong tỉnh Khánh Hòa. Tuyển tập Nghiên cứu biển. Nhà Xuất bản Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, 20: 71 - 89.
- Võ Văn Phú, Lê Văn Miên, 1997. Thành phần loài cá khu hệ cá đầm phá Thừa Thiên Huế. Tuyển tập báo cáo khoa học, Hội nghị Sinh học biển toàn quốc lần thứ nhất, Nhà Xuất bản Khoa học và Kỹ thuật, tr. 152 - 159.
- Võ Văn Phú, Lê Văn Quảng, Dương Tuấn Hiệp, Nguyễn Duy Thuận, 2011. Dẫn liệu bước đầu về thành phần loài cá rạn san hô ven bờ đảo Cồn Cỏ tỉnh Quảng Trị. Tạp chí Khoa học, Đại học Huế, số 64, tr. 85 - 98.
- Võ Văn Quang, Lê Thị Thu Thảo, Nguyễn Phi Uy Vũ, Trần Công Thịnh, 2012. Đặc điểm quần xã và hiện trạng nguồn lợi cá vùng Bình Cang và Nha Phu tỉnh Khánh Hòa. Kỷ yếu Hội nghị Quốc tế "Biển Đông 2012", Nhà Xuất bản Khoa học tự nhiên và Công nghệ, tập 1, tr. 294 - 304.
- Võ Văn Quang, Võ Sĩ Tuấn, 2013. Xác định đối tượng cá dữ tấn công người tắm biển ở vùng biển Quy Nhơn trong năm 2009 và 2010. Tạp chí Khoa học và Công nghệ biển, 13(2): 194 - 203.
- Võ Văn Quang, Võ Sĩ Tuấn, Lê Thị Thu Thảo, Trần Công Thịnh, Nguyễn Phi Uy Vũ và Lê Minh Phương, 2013. Thành phần loài và phân bố cá nhám/mập ở vùng biển Quy Nhơn và lân cận. Tạp

- chí Khoa học và Công nghệ biển, 13(1): 21-30.
- Vũ Trung Tạng, 1994. Các hệ sinh thái cửa sông Việt Nam. Nhà Xuất bản Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội, 271 tr.
- Vũ Trung Tạng, 2009. Sinh thái học các hệ cửa sông Việt Nam (khai thác, duy trì và quản lý tài nguyên cho phát triển bền vững). Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam, tr. 63 - 102.



**Phụ lục 1.** Hiện trạng sử dụng tên khoa học của các bộ, họ  
thuộc lớp cá sụn Chondrichthyes  
**Appendix 1.** Status of using scientific names of orders and families  
belonging to class Chondrichthyes

TT	Tên bộ công bố	TT	Tên họ công bố	TT	Tên bộ cập nhật	TT	Tên họ cập nhật
1	<b>Chimaeriformes</b>	1	Chimaeridae	1	<b>Chimaeriformes</b>	1	Chimaeridae
2	<b>Heterodontiformes</b>	1	Heterodontidae	2	<b>Heterodontiformes</b>	1	Heterodontidae
		2	Hexanchidae				
3	<b>Orectolobiformes</b>	1	Odontaspidae	3	<b>Orectolobiformes</b>	1	Parascylliidae
		2	Ginglymosmatidae			2	Brachaeluridae
		3	Orectolobidae			3	Orectolobidae
		4	Hemiscylliidae			4	Hemiscylliidae
		5	Stegostomatidae			5	Stegostomatidae
		6	Rhincodontidae			6	Ginglymostomatidae
		7	Rhincodontidae			7	Rhincodontidae
4	<b>Lamniformes</b>	1	Odontaspidae	4	<b>Lamniformes</b>	1	Odontaspidae
		2	Carcharhinidae			2	Pseudocarchariidae
		3	Alopiidae			3	Alopiidae
		4	Lamnidae			4	Lamnidae
		5	Carchariidae				
		6	Scyliorhinidae				
		7	Sphyrnidae				
		8	Triakidae				
		9	Carcharhinidae				
		10	Carchariidae				
		11	Carcharodontidae				
		12	Isuridae				
		13	Lamnidae				
		14	Orectolobidae				
		15	Rhincodontidae				
5	<b>Carcharhiniformes</b>	1	Scyliorhinidae	5	<b>Carcharhiniformes</b>	1	Scyliorhinidae
		2	Proscylliidae			2	Proscylliidae
		3	Triakidae			3	Triakidae
		4	Hemigaleidae			4	Hemigaleidae
		5	Carcharhinidae			5	Carcharhinidae
		6	Sphyrnidae			6	Sphyrnidae
		7	Orectolobidae				
		8	Rhincodontidae				
		9	Rhynchobatidae				
6	<b>Hexanchiformes</b>	1	Hexanchidae	6	<b>Hexanchiformes</b>	1	Hexanchidae
7	<b>Squaliformes</b>	1	Squalidae	7	<b>Squaliformes</b>	1	Squalidae
		2	Squatinae			2	Etmopteridae
						3	Dalatiidae

8	<b>Torpediniformes</b>	1	Torpedinidae	8	<b>Squatiniformes</b>	1	Squatinidae
		2	Narcinidae	9	<b>Torpediniformes</b>	1	Torpedinidae
		3	Narkidae			2	Narcinidae
		4	Temeridae			3	Narkidae
9	<b>Pristiformes</b>	1	Pristidae	10	<b>Pristiformes</b>	1	Pristidae
10	<b>Pristiophoriformes</b>	1	Pristiophoridae				
11	<b>Rhinobatiformes</b>	1	Platyrrhinidae				
		2	Rhinobatidae				
12	<b>Rhynchobatiformes</b>	1	Platyrrhinidae				
		2	Rhinobatidae				
		3	Rhynchobatidae				
13	<b>Dasyatiformes</b>	1	Dasyatidae				
		2	Gymnuridae				
		3	Mobulidae				
		4	Myliobatidae				
14	<b>Rajiformes</b>	1	Dasyatidae	11	<b>Rajiformes</b>	1	Anacanthobatidae
		2	Rhinobatidae			2	Rhinobatidae
		3	Rajidae			3	Rajidae
		4	Gymnuridae				
		5	Mobulidae				
		6	Myliobatidae				
		7	Urolophidae				
		8	Pristidae				
		9	Anacanthobatidae				
		10	Gymnuridae				
		11	Platyrrhinidae				
		12	Rhynchobatidae				
		13	Dalatiidae				
		14	Squalidae				
15	<b>Myliobatiformes</b>	1	Aetobatidae	12	<b>Myliobatiformes</b>	1	Urolophidae
		2	Dasyatidae			2	Dasyatidae
		3	Gymnuridae			3	Gymnuridae
		4	Myliobatidae			4	Myliobatidae
		5	Mobulidae				

---

**Phụ lục 2.** Hiện trạng sử dụng tên khoa học của các loài thuộc lớp cá sụn Chondrichthyes  
**Appendix 2.** Status of using scientific names of fish species  
belonging to class Chondrichthyes

TT	Bộ	Họ	Số lượng tên khoa học công bố	Tình trạng				Số loài sau khi cập nhật	Số loài chuyển sang họ khác
				NA	NV	NY	V		
1	<b>Chimaeriformes</b>	Chimaeridae	1				1	0	
2	<b>Heterodontiformes</b>	Heterodontidae	2	1			1	0	
		Hexanchidae	1				1	0	
3	<b>Orectolobiformes</b>	Odontaspidae	6	1	4		1	0	
		Ginglymosmatidae	1			1	1	0	
		Hemiscylliidae	6	2			4	0	
		Orectolobidae	4	1			3	4	
		Rhincodontidae	2				2	1	
		Stegostomatidae	1				1	1	
4	<b>Lamniformes</b>	Carcharhinidae	62	11	35		16	0	
		Carchariidae	6	3	2		1	0	
		Scyliorhinidae	11	4	2		5	0	
		Sphyrnidae	7	1	2		4	0	
		Triakidae	2				2	0	
		Alopiidae	3	1			2	3	
		Carcharodontidae	2			1	1	0	
		Isuridae	1				1	0	
		Lamnidae	6	1	3		2	3	
		Odontaspidae	4		3		1	3	
		Orectolobidae	10	3	2		5	0	
		Rhincodontidae	2	1			1	0	
5	<b>Carcharhiniformes</b>	Carcharhinidae	57	11	18	6	22	32	
		Hemigaleidae	4		1		3	4	
		Proscylliidae	2	1			1	3	
		Scyliorhinidae	8	1		1	6	10	
		Sphyrnidae	7	1	1	1	4	5	
		Triakidae	7	1	3	2	1	5	
		Orectolobidae	7	2			5	0	
		Rhincodontidae	1				1	0	
		Rhynchobatidae	1				1	0	
6	<b>Hexanchiformes</b>	Hexanchidae	2	1	1			1	
7	<b>Squaliformes</b>	Squalidae	6				6	5	
		Squatinae	2				2	0	
8	<b>Torpediniformes</b>	Narcinidae	3				3	8	
		Narkidae	4				4	4	
		Temeridae	1				1	0	
		Torpedinidae	13	2	1	1	9	3	
9	<b>Pristiformes</b>	Pristidae	2		1		1	4	
10	<b>Pristiophoriformes</b>	Pristiophoridae	5		1		4	0	

11	<b>Rhinobatiformes</b>	Platyrrhinidae	1			1	0	1	
		Rhinobatidae	2	1		1	0	0	
12	<b>Rhynchobatiformes</b>	Platyrrhinidae	2		1	1	0	2	
		Rhinobatidae	5	1	2	2	0	0	
		Rhynchobatidae	1			1	0	1	
13	<b>Dasyatiformes</b>	Dasyatidae	19	1	11	1	6	0	0
		Gymnuridae	5	1	1		3	0	0
		Mobulidae	3		1		2	0	3
		Myliobatidae	11	2		2	7	0	0
14	<b>Rajiformes</b>	Dasyatidae	34		18	1	15	0	4
		Gymnuridae	7	2	2		3	0	0
		Mobulidae	5	1	2		2	0	4
		Myliobatidae	9	1	1		7	0	0
		Urolophidae	2		1		1	0	1
		Pristidae	6	1	2		3	0	0
		Anacanthobatidae	2	1	1			2	0
		Gymnuridae	1				1	1	0
		Platyrrhinidae	3		1		2	0	2
		Rajidae	14	6	6		2	7	0
		Rhinobatidae	12	5	3		4	10	0
		Rhynchobatidae	1				1	0	1
		Dalatiidae	1				1	0	0
		Squalidae	1				1	0	1
15	<b>Myliobatiformes</b>	Aetobatidae	1				1	0	1
		Dasyatidae	23	4	7	2	10	27	0
		Gymnuridae	5	1			4	5	0
		Mobulidae	5	1	2		2	0	3
		Myliobatidae	11	2		3	6	14	0
		<b>464</b>	<b>81</b>	<b>142</b>	<b>22</b>	<b>219</b>	<b>171</b>	<b>106</b>	

(Ghi chú: NA: cập nhật tên tác giả; NV: cập nhật tên khoa học; NY: cập nhật năm; V: có giá trị hiện hành)

**Phụ lục 3.** Danh sách thành phần loài lớp cá sụn Chondrichthyes ở vùng biển Việt Nam  
**Appendix 3.** List of fish species composition of the sharks and rays  
(Class: Chondrichthyes) in the Vietnamese sea waters

<b>TT</b>	<b>Tên khoa học</b>	<b>TT</b>	<b>Tên khoa học</b>
<b>I</b>	<b>Chimaeriformes</b>	27	<i>Cephaloscyllium isabellum</i> (Bonnaterre, 1788)
<b>1</b>	<b>Chimaeridae</b>	28	<i>Cephaloscyllium sufflans</i> (Regan, 1921)
1	<i>Chimaera phantasma</i> Jordan & Snyder, 1900	29	<i>Cephaloscyllium umbratile</i> Jordan & Fowler, 1903
<b>II</b>	<b>Heterodontiformes</b>	30	<i>Galeus eastmani</i> (Jordan & Snyder, 1904)
<b>2</b>	<b>Heterodontidae</b>	31	<i>Halaaelurus boesemani</i> Springer & D'Aubrey, 1972
2	<i>Heterodontus japonicus</i> Miklouho-Maclay & Macleay, 1884	32	<i>Halaaelurus buergeri</i> (Müller & Henle, 1838)
3	<i>Heterodontus zebra</i> (Gray, 1831)	33	<i>Holohalaaelurus regani</i> (Gilchrist, 1922)
<b>III</b>	<b>Orectolobiformes</b>	34	<i>Scyliorhinus torazame</i> (Tanaka, 1908)
<b>3</b>	<b>Parascylliidae</b>	<b>15</b>	<b>Proscylliidae</b>
4	<i>Cirrhoscyllium expolitum</i> Smith & Radcliffe, 1913	35	<i>Eridacnis radcliffei</i> Smith, 1913
5	<i>Parascyllium variolatum</i> (Duméril, 1853)	36	<i>Proscyllium habereri</i> Hilgendorf, 1904
<b>4</b>	<b>Brachaeluridae</b>	37	<i>Proscyllium venustum</i> (Tanaka, 1912)
6	<i>Brachaelurus waddi</i> (Bloch & Schneider, 1801)	<b>16</b>	<b>Triakidae</b>
<b>5</b>	<b>Orectolobidae</b>	38	<i>Galeorhinus galeus</i> (Linnaeus, 1758)
7	<i>Orectolobus japonicus</i> Regan, 1906	39	<i>Hemitriakis japonica</i> (Müller & Henle, 1839)
<b>6</b>	<b>Hemiscylliidae</b>	40	<i>Mustelus griseus</i> Pietschmann, 1908
8	<i>Chiloscyllium griseum</i> Müller & Henle, 1838	41	<i>Mustelus manazo</i> Bleeker, 1855
9	<i>Chiloscyllium indicum</i> (Gmelin, 1789)	42	<i>Triakis scyllium</i> Müller & Henle, 1839
10	<i>Chiloscyllium plagiosum</i> (Anonymous [Bennett], 1830)*	<b>17</b>	<b>Hemigaleidae</b>
11	<i>Chiloscyllium punctatum</i> Müller & Henle, 1838	43	<i>Chaenogaleus macrostoma</i> (Bleeker, 1852)
<b>7</b>	<b>Stegostomatidae</b>	44	<i>Hemigaleus microstoma</i> Bleeker, 1852
12	<i>Stegostoma fasciatum</i> (Hermann, 1783)	45	<i>Hemipristis elongata</i> (Klunzinger, 1871)
<b>8</b>	<b>Ginglymostomatidae</b>	46	<i>Paragaleus tengi</i> (Chen, 1963)
13	<i>Nebrius ferrugineus</i> (Lesson, 1831)	<b>18</b>	<b>Carcharhinidae</b>
<b>9</b>	<b>Rhincodontidae</b>	47	<i>Carcharhinus albimarginatus</i> (Rüppell, 1837)
14	<i>Rhincodon typus</i> Smith, 1828*	48	<i>Carcharhinus altimus</i> (Springer, 1950)
<b>IV</b>	<b>Lamniformes</b>	49	<i>Carcharhinus amblyrhynchoides</i> (Whitley, 1934)*
<b>10</b>	<b>Odontaspidae</b>	50	<i>Carcharhinus amblyrhynchos</i> (Bleeker, 1856)
15	<i>Carcharias taurus</i> Rafinesque, 1810	51	<i>Carcharhinus amboinensis</i> (Müller & Henle, 1839)*
16	<i>Carcharias tricuspidatus</i> Day, 1878	52	<i>Carcharhinus borneensis</i> (Bleeker, 1858)
17	<i>Odontaspis ferox</i> (Risso, 1810)	53	<i>Carcharhinus brachyurus</i> (Günther, 1870)
<b>11</b>	<b>Pseudocarchariidae</b>	54	<i>Carcharhinus brevipinna</i> (Müller & Henle, 1839)*
18	<i>Pseudocarcharias kamoharai</i> (Matsubara, 1936)	55	<i>Carcharhinus dussumieri</i> (Müller & Henle, 1839)
<b>12</b>	<b>Alopiidae</b>	56	<i>Carcharhinus falciformis</i> (Müller & Henle, 1839)*
19	<i>Alopias pelagicus</i> Nakamura, 1935	57	<i>Carcharhinus galapagensis</i> (Snodgrass & Heller, 1905)
20	<i>Alopias superciliosus</i> Lowe, 1841	58	<i>Carcharhinus hemiodon</i> (Müller & Henle, 1839)
21	<i>Alopias vulpinus</i> (Bonnaterre, 1788)*	59	<i>Carcharhinus leucas</i> (Müller & Henle, 1839)
<b>13</b>	<b>Lamnidae</b>	60	<i>Carcharhinus limbatus</i> (Müller & Henle, 1839)*
22	<i>Carcharodon carcharias</i> (Linnaeus, 1758)*	61	<i>Carcharhinus longimanus</i> (Poey, 1861)
23	<i>Isurus oxyrinchus</i> Rafinesque, 1810*	62	<i>Carcharhinus macloti</i> (Müller & Henle, 1839)
24	<i>Lamna ditropis</i> Hubbs & Follett, 1947	63	<i>Carcharhinus melanopterus</i> (Quoy & Gaimard, 1824)
<b>V</b>	<b>Carcharhiniformes</b>	64	<i>Carcharhinus obscurus</i> (Lesueur, 1818)
<b>14</b>	<b>Scyliorhinidae</b>	65	<i>Carcharhinus plumbeus</i> (Nardo, 1827)
25	<i>Atelomycterus marmoratus</i> (Anonymous [Bennett], 1830)	66	<i>Carcharhinus sealei</i> (Pietschmann, 1913)
26	<i>Cephaloscyllium fasciatum</i> Chan, 1966	67	<i>Carcharhinus sorrah</i> (Müller & Henle, 1839)*

- 68 *Galeocерdo cuvier* (Péron & Lesueur, 1822)  
69 *Glyphis gangeticus* (Müller & Henle, 1839)  
70 *Lamiopsis temminckii* (Müller & Henle, 1839)  
71 *Loxodon macrorhinus* Müller & Henle, 1839  
72 *Negaprion acutidens* (Rüppell, 1837)  
73 *Prionace glauca* (Linnaeus, 1758)  
74 *Rhizoprionodon acutus* (Rüppell, 1837)  
75 *Rhizoprionodon lalandii* (Müller & Henle, 1839)  
76 *Rhizoprionodon oligolinx* Springer, 1964  
77 *Scoliodon laticaudus* Müller & Henle, 1838\*  
78 *Triaenodon obesus* (Rüppell, 1837)  
**19 Sphyrnidae**  
79 *Eusphyrna blochii* (Cuvier, 1816)  
80 *Sphyrna lewini* (Griffith & Smith, 1834)\*  
81 *Sphyrna mokarran* (Rüppell, 1837)  
82 *Sphyrna tudes* (Valenciennes, 1822)  
83 *Sphyrna zygaena* (Linnaeus, 1758)  
**VI Hexanchiformes**  
**20 Hexanchidae**  
84 *Notorynchus cepedianus* (Péron, 1807)  
**VII Squaliformes**  
**21 Squalidae**  
85 *Squalus acanthias* Linnaeus, 1758  
86 *Squalus brevirostris* Tanaka, 1917  
87 *Squalus japonicus* Ishikawa, 1908\*  
88 *Squalus megalops* (Macleay, 1881)  
89 *Squalus mitsukurii* Jordan & Snyder, 1903  
**22 Etmopteridae**  
90 *Etmopterus lucifer* Jordan & Snyder, 1902  
**23 Dalatiidae**  
91 *Isistius brasiliensis* (Quoy & Gaimard, 1824)  
**VIII Squatiniformes**  
**24 Squatinidae**  
92 *Squatina japonica* Bleeker, 1858  
93 *Squatina nebulosa* Regan, 1906  
**IX Torpediniformes**  
**25 Torpedinidae**  
94 *Torpedo fuscomaculata* Peters, 1855  
95 *Torpedo marmorata* Risso, 1810  
**26 Narcinidae**  
96 *Narcine brevilabiata* Bessednov, 1966  
97 *Narcine lingula* Richardson, 1846  
98 *Narcine maculata* (Shaw, 1804)  
99 *Narcine prodorsalis* Bessednov, 1966  
100 *Narcine timplei* (Bloch & Schneider, 1801)  
101 *Narcine tonkinensis* Nguyen, 1970  
**27 Narkidae**  
102 *Heteronarce garmani* Regan, 1921  
103 *Narke dipterygia* (Bloch & Schneider, 1801)\*  
104 *Narke japonica* (Temminck & Schlegel, 1850)  
105 *Temera hardwickii* Gray, 1831  
**X Pristiformes**  
**28 Pristidae**  
106 *Anoxypristis cuspidata* (Latham, 1794)  
107 *Pristis microdon* Latham, 1794  
108 *Pristis pectinata* Latham, 1794  
109 *Pristis zijsron* Bleeker, 1851  
**XI Rajiformes**  
**29 Rhinobatidae**  
110 *Glaucostegus granulatus* (Cuvier, 1829)  
111 *Glaucostegus halavi* (Forsskål, 1775)  
112 *Glaucostegus typus* (Anonymous [Bennett], 1830)  
113 *Platyrrhina sinensis* (Bloch & Schneider, 1801)  
114 *Rhina ancylostoma* Bloch & Schneider, 1801  
115 *Rhinobatos hynnicephalus* Richardson, 1846  
116 *Rhinobatos schlegelii* Müller & Henle, 1841  
117 *Rhinobatos thouin* (Anonymous [Lacepède], 1798)  
118 *Rhynchobatus djiddensis* (Forsskål, 1775)  
119 *Zanobatus schoenleinii* (Müller & Henle, 1841)  
**30 Rajidae**  
120 *Dipturus kwangtungensis* (Chu, 1960)  
121 *Dipturus tengu* (Jordan & Fowler, 1903)  
122 *Okamejei boesemani* (Ishihara, 1987)  
123 *Okamejei hollandi* (Jordan & Richardson, 1909)  
124 *Okamejei kenoei* (Müller & Henle, 1841)  
125 *Okamejei meerdervoortii* (Bleeker, 1860)  
126 *Raja eglanteria* Bosc, 1800  
**31 Anacanthobatidae**  
127 *Sinobatis borneensis* (Chan, 1965)  
128 *Sinobatis melanosoma* (Chan, 1965)  
**XII Myliobatiformes**  
**32 Urolophidae**  
129 *Urolophus aurantiacus* Müller & Henle, 1841  
**33 Dasyatidae**  
130 *Dasyatis akajei* (Müller & Henle, 1841)\*  
131 *Dasyatis bennettii* (Müller & Henle, 1841)\*  
132 *Dasyatis laosensis* Roberts & Karnasuta, 1987  
133 *Dasyatis longa* (Garman, 1880)  
134 *Dasyatis matsubarai* Miyosi, 1939  
135 *Dasyatis navarrae* (Steindachner, 1892)  
136 *Dasyatis sinensis* (Steindachner, 1892)  
137 *Dasyatis zugei* (Müller & Henle, 1841)\*  
138 *Dasybatus varidens* Garman, 1885  
139 *Himantura bleekeri* (Blyth, 1860)  
140 *Himantura fava* (Annandale, 1909)  
141 *Himantura gerrardi* (Gray, 1851)\*  
142 *Himantura imbricata* (Bloch & Schneider, 1801)\*  
143 *Himantura jenkinsii* (Annandale, 1909)\*  
144 *Himantura krempfi* (Chabanaud, 1923)  
145 *Himantura polylepis* (Bleeker, 1852)  
146 *Himantura signifer* Compagno & Roberts, 1982  
147 *Himantura uarnak* (Gmelin, 1789)\*  
148 *Himantura undulata* (Bleeker, 1852)  
149 *Himantura walga* (Müller & Henle, 1841)\*  
150 *Neotrygon annotata* (Last, 1987)  
151 *Neotrygon kuhlii* (Müller & Henle, 1841)  
152 *Pastinachus sephen* (Forsskål, 1775)  
153 *Pteroplatytrygon violacea* (Bonaparte, 1832)  
154 *Taeniura lymma* (Forsskål, 1775)  
155 *Taeniurops meyeri* (Müller & Henle, 1841)  
156 *Urogymnus asperrimus* (Bloch & Schneider, 1801)  
**34 Gymnuridae**  
157 *Gymnura bimaculata* (Norman, 1925)  
158 *Gymnura japonica* (Temminck & Schlegel, 1850)

- |           |  |     |   |
|-----------|--|-----|---|
| 159       | <i>Gymnura micrura</i> (Bloch & Schneider, 1801)     | 167 | <i>Aetomylaeus nichofii</i> (Bloch & Schneider, 1801) |
| 160       | <i>Gymnura poecilura</i> (Shaw, 1804)*               | 168 | <i>Aetomylaeus vespertilio</i> (Bleeker, 1852)        |
| 161       | <i>Gymnura zonura</i> (Bleeker, 1852)                | 169 | <i>Manta birostris</i> (Walbaum, 1792)                |
| <b>35</b> | <b>Myliobatidae</b>                                  | 170 | <i>Mobula mobular</i> (Bonnaterre, 1788)              |
| 162       | <i>Aetobatus flagellum</i> (Bloch & Schneider, 1801) | 171 | <i>Mobula eregoodootenkee</i> (Bleeker, 1859)         |
| 163       | <i>Aetobatus narinari</i> (Euphrasen, 1790)          | 172 | <i>Mobula japonica</i> (Müller & Henle, 1841)         |
| 164       | <i>Aetobatus ocellatus</i> (Kuhl, 1823)              | 173 | <i>Myliobatis tobijei</i> Bleeker, 1854               |
| 165       | <i>Aetomylaeus maculatus</i> (Gray, 1834)            | 174 | <i>Rhinoptera javanica</i> Müller & Henle, 1841       |
| 166       | <i>Aetomylaeus milvus</i> (Müller & Henle, 1841)     |     |   |

---

(Ghi chú: \* loài cá hổ sung năm 2010 - 2015)